

Số: 11/2009/NQ-HĐND

Buôn Ma Thuột, ngày 10 tháng 7 năm 2009

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh một số chế độ, chính sách đối với
công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Dân số và Nghị định 104/2003/NĐ-CP, ngày 16/9/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Dân số;

Căn cứ Thông tư 05/2008/TT-BYT, ngày 14/5/2008 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy Dân số-Kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGĐ) ở địa phương;

Căn cứ Nghị quyết 40/2006/NQ/THĐND, ngày 11/10/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chế độ, chính sách đối với công tác Dân số-Kế hoạch hóa gia đình;

Xét Tờ trình số 42/TTr-UBND, ngày 18/6/2009 của UBND tỉnh đề nghị thông qua Nghị quyết điều chỉnh một số nội dung trong Nghị quyết số 40/2006/NQ-HĐND, ngày 11/10/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định một số chế độ chính sách đối với công tác DS-KHHGĐ; Báo cáo thẩm tra số 27/BC-HĐND, ngày 06/7/2009 của Ban Văn hóa-Xã hội của HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành, thông qua Nghị quyết về điều chỉnh một số nội dung trong Nghị quyết số 40/2006/NQ-HĐND, ngày 11/10/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định một số chính sách đối với công tác Dân số, Kế hoạch hoá gia đình trên địa bàn tỉnh, với những nội dung cơ bản sau:

1. Sửa đổi từ, ngữ trong Nghị quyết số 40/2006/NQ-HĐND, ngày 11/10/2006:

- Đổi tên gọi Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em của tỉnh/huyện/thành phố/thị xã được quy định tại điểm 1, khoản II, Điều 1; điểm 2, khoản IV, Điều 1 Nghị quyết số 40/2006/NQ-HĐND, ngày 11/10/2006 thành Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình đối với cấp tỉnh và Trung tâm Dân số - Kế hoạch hoá gia đình đối với huyện/thành phố/thị xã.

- Đối tượng từ Dân số - Gia đình và Trẻ em được quy định tại điểm 4, khoản III Điều 1 Nghị quyết số 40/2006/NQ-HĐND, ngày 11/10/2006 thành Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

2. Điều chỉnh kinh phí trong việc thực hiện Chính sách khuyến khích (Khoản IV, Điều 1):

* Điểm 2: Đối với các trường hợp đình sản:

- Hỗ trợ thêm cho người đình sản: 100.000đ/người
- Kinh phí chi cho người vận động, thuyết phục người đi đình sản: 40.000đồng/ca
- Kinh phí tổ chức thực hiện: 80.000đ/ca.
- Kinh phí kỹ thuật và quản lý: 15.000đ/ca.
- Kinh phí bồi dưỡng cho ekip thực hiện kỹ thuật: 50.000đồng/ca.

* Điểm 3: Đối với người đặt vòng tránh thai:

- Kinh phí bồi dưỡng cho ekip thực hiện kỹ thuật: 15.000đồng/ca.
- Kinh phí vận động, tổ chức thực hiện: 15.000đồng/ca.

* Điểm 7: Chế độ đối với người làm công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình: Chi kinh phí của tỉnh hàng năm hỗ trợ cho mỗi cộng tác viên thuộc các xã vùng III, xã biên giới và các xã nghèo (có tỷ lệ hộ nghèo từ 35% trở lên) với mức 150.000 đồng/tháng, đối với các xã còn lại với mức 100.000 đồng/tháng.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện và báo cáo kết quả tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh. Giao cho Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh phối hợp giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa VII, kỳ họp 12 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2009./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ pháp chế-Bộ Y tế;
- Tổng cục DS-KHHGD;
- Cục Kiểm tra Văn bản-Bộ tư pháp;
- Thường trực tỉnh ủy;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Ct HĐND.

(đã ký)

Niê Thuật